

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG (VINA FREIGHT)

Năm báo cáo: 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Năm 2001:

- Ngày 10/9: Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Dịch vụ kho vận thành Công ty cổ phần vận tải ngoại thương, tên giao dịch: VINA FREIGHT; vốn điều lệ 18 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải nội địa và quốc tế, kho bãi, văn phòng, XNK

- Ngày 28/12: Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS... Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty ban đầu bao gồm:

- + Ban Giám đốc .
- + Phòng Giao nhận Hàng không
- + Phòng Giao nhận Đường Biển
- + Phòng Đại lý Hãng Tàu Lykes Lines
- + Kho 18 Tân Thuận Đông
- + Kho 196 Tôn Thất Thuyết
- + Phòng Kế toán - hành chính .

Năm 2002:

Ngày 14/1: Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Tháng 7: VINA FREIGHT gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.

Năm 2003:

- Tháng 4: Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt nam - Singapore (Bình dương) chính thức hoạt động.

- Tháng 6: góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).

- Tháng 8: Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần vận tải ngoại thương tại Thành phố Hà nội hoạt động tại số 2 Bích Câu, quận Đống Đa.
- Tháng 9:
 - thành lập phòng Đại lý Hãng tàu UASC hoạt động tại số 12 Nguyễn Huệ Q.1, sau chuyển về văn phòng 5 Nguyễn Tất Thành, Q.4.
 - Văn phòng công ty tại Khu chế xuất Tân thuận chính thức hoạt động
- Tháng 10: Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần vận tải ngoại thương tại Hải phòng, hoạt động tại số 115 Trần Hưng Đạo, quận Hải An, TP Hải phòng.
- Tháng 11: Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Amata (Đồng nai) chính thức hoạt động.

Năm 2004:

- Tháng 6: góp vốn thành lập công ty TNHH Vector Quốc tế chuyên về dịch vụ Tổng Đại lý cho các hãng Hàng không, lần lượt được chỉ định là Tổng đại lý hàng hoá của Malaysia Airlines, China Southern Airlines, K-miles, Uzbekistan Airways, Egypt Air, Scandinavian Air Services và nhiều hãng hàng không khác.
- Tháng 8: thành lập các phòng Sales Hàng không, phòng Giao nhận Xuất Hàng không, phòng Logistics trên cơ sở phòng Giao nhận Hàng không.
- Tháng 12:
 - góp vốn thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.
 - góp vốn thành lập Công ty TNHH 2 thành viên VAX Global.

Năm 2005:

- Tháng 5: góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Kintetsu Vietnam
- Tháng 8: công ty tăng vốn điều lệ lên 27 tỷ VND.
- Tháng 9: góp vốn thành lập Công ty TNHH Viễn Đông (Far East) chuyên về dịch vụ giao nhận, dịch vụ hàng không. Công ty Viễn Đông được chỉ định là Tổng Đại lý Hàng hoá của hãng Hàng không Cargo Italia.
- Ngày 4/10: Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho VINAFREIGHT.

Năm 2006:

- Tháng 4: triển khai dịch vụ chuyên phát nhanh nội địa và quốc tế - Vinaquick.
- Tháng 5: góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Jardine Shipping Services Vietnam.
- Tháng 5: thành lập phòng phát chuyển nhanh Vinaquick

Năm 2007:

- Tháng 4: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 6 quyết định tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ VND lên 56 tỷ VND. Ngày 06/7/2007, Phòng Đăng ký kinh doanh TP.HCM cấp chứng nhận đăng ký tăng vốn lên 56 tỷ đồng .
- Tháng 7: chính thức đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2- Ngành nghề kinh doanh:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đại lý tàu biển, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các Hãng giao nhận vận tải nước ngoài.
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh vận tải công cộng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo qui định của pháp luật.
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...
- Các dịch vụ thương mại.
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

3- Định hướng phát triển:

a- Các mục tiêu chính trong năm 2008 :

- Phân đầu kết quả kinh doanh chung tăng từ 10 – 15% so với năm 2007.
- Xác định dịch vụ hàng không, logistics là mảng dịch vụ chính, trong đó dịch vụ logistics trọn gói là hướng phát triển lâu dài và có sự đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất.

b- Các chương trình/kế hoạch đầu tư phát triển trong năm 2008 và trung hạn:

- Khảo sát thực hiện kế hoạch vận chuyển hàng hoá từ Campuchia về Tp HCM để xuất khẩu bằng đường biển và đường hàng không.
- Trong năm 2008 và các năm tiếp theo, nghiên cứu việc hợp tác với các đối tác trong nước và nước ngoài để thuê đất và xây kho tại khu công nghiệp Bình dương, Đồng Nai và Bắc Ninh để chủ động trong các dịch vụ logistics nội địa. Mua thêm 2 xe tải 2t để đáp ứng nhu cầu vận chuyển nội địa, 1 xe tải nhẹ cho Chi nhánh Hanoi.
- Cùng với đối tác tiếp tục các thủ tục đầu tư cho dự án 196 Tôn Thất Thuyết.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Năm 2007, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt việc quản trị công ty, định hướng kinh doanh và hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Qua 04 kỳ họp, HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể sau :

- Triển khai giao kế hoạch kinh doanh cho công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua các vấn đề về nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, Định hướng và quyết định các chính sách trong kinh doanh, đầu tư.

- Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, lựa chọn đối tác trong dự án 196 Tôn Thất Thuyết, Q4.
- Bổ nhiệm cán bộ quản lý trưởng phòng và phó trưởng phòng.
- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần 6 về việc tăng vốn điều lệ của công ty, năm 2007 đã phát hành:
 - 242.958 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu ,
 - 16.107 cổ phần hạn chế chuyển nhượng cho cổ đông là CBNV trong công ty, trong đó 4.050 CP bán cho các thành viên HĐQT, BKS và BGD cty.
 - 33.500 cổ phần hạn chế chuyển nhượng cho các cổ đông pháp nhân là các công ty hiện đang có vốn góp của công ty .

2. Các hoạt động đầu tư :

- Với các công ty đã đầu tư và đang hoạt động:

+ Đầu tư thêm 18.747 tỷ đồng vào các cty Konoike-Vina, Vinalink, Vinatrans Hanoi, Vinatrans Đà Nẵng, do các công ty này tăng vốn điều lệ và công ty Vector.

+ Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn của Vinafreight năm 2007 khả quan, tăng trưởng tốt so với năm 2006.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

a- Khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / tổng tài sản: 10 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn chủ sở hữu: 16 %

b- Tình hình tài chính trong năm không có biến động gì lớn

c- Giá trị sổ sách tại thời điểm của năm báo cáo theo biên bản kiểm toán đính kèm

d- Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 558.850 (mệnh giá 100 000 đ)
- Cổ phiếu phổ thông: 510.393
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 48.457

e- Cổ tức: 10%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT :triệu VND

Chỉ tiêu	TH 2006	KH 2007	TH 2007	%/06	%/KH
1-Tổng D.thu	147 516		126 502	86	
Tr.đó: -KD trực tiếp	137 562		115 720	84	
-Thu khác	709		338	48	
-Đầu tư vốn	9 245		10 444	113	
2- Thặng dư vốn			2 423		
3- Lãi trước thuế	7 284	6 500	11 608	159	178
Tr.đó: -KD trực tiếp	986		1 688	171	169

-Thu khác	640	1.000	240	38	
-Đầu tư vốn	5 658	5.500	9 680	171	176
4- Lãi sau thuế	6 951		11 359	163	
Tr.đó: -KD và thu khác	1 292		1 679	130	
-Đầu tư vốn	5 659		9 680	171	
5.Chênh lệch thu-chi (chưa lương)	14 611	9 200	9 662	66	133
6.Lao động b/q	151	150	149	99	100
7.Quỹ lương	7 528	8 200	7 974	106	97
8.Nộp Ngân sách	7 100		3 016	42	

Tình hình kinh doanh năm 2007 có một số điểm đáng chú ý:

- Ký thêm hợp đồng với 1 số Đại lý của Ý và Mỹ có độ tin cậy cao để có thể linh hoạt trong việc chào dịch vụ cạnh tranh, gửi hàng cũng như tận dụng nguồn hàng 2 chiều của Đại lý.
- Xây dựng được 1 số khách hàng lớn, có tiềm năng tại các khu công nghiệp Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu.
- Doanh thu hàng xuất hàng không từ lượng khách hàng trực tiếp chiếm tỷ lệ cao (trên 60%). Phát triển tốt các dịch vụ logistics trọn gói, dịch vụ vận chuyển Bắc Nam. Dịch vụ kho hàng tạo được uy tín với 1 số ngân hàng quen thuộc nên thu hút được nhiều hàng cần thể chấp.
- Thương hiệu Vinafreight tạo được uy tín với các hãng vận tải hàng không và với các hãng giao nhận nước ngoài. Hiệu quả công việc được nâng cao thông qua các biện pháp kích thích động viên về vật chất và tinh thần.
- Công ty TNHH Vector tiếp tục kinh doanh có hiệu quả cao. Lãi sau thuế tăng 26% so với năm 2006. Dịch vụ GSA cho các Hãng Malaysia Airlines, China Southern, K-miles tăng trưởng ổn định và là mảng dịch vụ chủ lực. Năm 2007, Vector tiếp tục được chỉ định là Tổng Đại lý của các hãng HK Ai cập, Scandinavian Air System (SAS), ...

Một số hạn chế:

- Lượng khách hàng trực tiếp tuy có tăng nhưng sản lượng hàng hoá chưa thực sự ổn định. Đối với những khách hàng lớn, việc đấu thầu cũng phải tính toán giá dịch vụ cạnh tranh nên chỉ tính đến hiệu quả trên sản lượng lớn và lâu dài. Đối với dịch vụ hàng không, công ty cũng chọn lọc những khách hàng có độ tin cậy về tài chính, tập trung vào khách hàng trực tiếp để đảm bảo hiệu quả và an toàn về mặt tài chính nên sản lượng chưa tăng nhiều.
- Lực lượng bán hàng của các phòng nghiệp vụ thường thay đổi, và tuy đã được bổ sung liên tục nhưng còn thiếu.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2008:

Chỉ tiêu cụ thể :

- Doanh thu : 125 tỷ
- Lãi trước thuế : 9,240 tỷ

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Bản tóm tắt kèm theo).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL
- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Trích :” **Theo ý kiến chúng tôi**, xét trên phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2008

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Đã ký

Đã ký

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các công ty có liên quan

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

STT	Tên công ty	Tỷ lệ / VDL	Ghi chú
01	Cty LD Konoike Vina	9,15 %	
02	Cty LD Jardine Shipping Vietnam	51 %	
03	Cty LD Kintetsu Vietnam	30 %	
04	Cty TNHH Vector	90 %	
05	Cty TNHH Viễn Đông (Far East)	20%	
06	Cty CP Vinalink	1,22%	
07	Cty CP Vinatrans Hanoi	22 %	
08	Cty CP Vinatrans Danang	29 %	
09	Cty TNHH VA Express	40 %	
10	Cty TNHH V-Truck	9 %	

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:
 - + Ban Giám đốc: Giám đốc và 1 Phó Giám đốc
 - + 1 chi nhánh tại Hà nội
 - + 1 chi nhánh tại Hải phòng
 - + 4 phòng kinh doanh, 1 phòng ban quản lý phục vụ :
 - Số lượng cán bộ, nhân viên: 149 người
 - Thay đổi thành viên Ban Giám đốc: không có.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên HĐQT: 05 người.
 - Thành viên độc lập : 3 người
 - Thành viên kiêm nhiệm: 02 người, kiêm nhiệm giám đốc Công ty và phó giám đốc công ty .
- Hoạt động của HĐQT: Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp hoặc bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể, năm 2007, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề của Công ty. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:
- Kiểm soát việc tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ, quy định của HĐQT. Kiểm tra báo cáo tài chính 2007.
4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên BKS và BGD được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và thực hiện thống nhất như sau:
- Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 6 tr.đ/quý.
 - Các thành viên HĐQT hưởng thù lao 5 tr.đ/quý.
 - Trưởng BKS 2, 5 tr.đ/năm, thành viên BKS 2 tr.đ/năm.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Tổng số: 422 cổ đông sở hữu 99,79% cổ phần cty
- + Cá nhân: 418 cổ đông sở hữu 83,12% cổ phần cty
- + Tổ chức: 4 cổ đông sở hữu 16,67% cổ phần cty

Thông tin về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1. Cty Vinatrans	406 Nguyễn Tất Thành Q4,TP.HCM	60 800	10,86%

2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

Không có.

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2008
Giám đốc công ty

Nguyễn Bích Lân

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Công ty
VINAFREIGHT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2007

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	<i>Nội dung</i>	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	46.907.844.140	60.324.850.743
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.899.885.401	20.581.464.577
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	90.300.000	300.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.434.001.550	29.705.444.930
4	Hàng tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	483.657.189	10.037.641.236
II	Tài sản dài hạn	28.903.249.186	55.554.631.154
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	3.004.449.186	10.908.739.952
	- Tài sản cố định hữu hình	3.004.449.186	10.908.739.952
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25.898.800.000	44.645.891.202
5	Tài sản dài hạn khác		
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	75.811.093.326	115.879.481.897
IV	Nợ phải trả	29.857.279.256	44.952.754.888
1	Nợ ngắn hạn	29.857.279.256	25.725.454.888
2	Nợ dài hạn		19.227.300.000
V	Vốn chủ sở hữu	45.953.814.070	70.926.727.009
1	Vốn chủ sở hữu		
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.000.000.000	56.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		2.422.850.000

	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		(115.000.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.695.591	
	- Quỹ đầu tư phát triển	5.070.150.123	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.396.821.656	9.683.981.749
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.421.146.700	2.934.895.260
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.934.895.260
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	75.811.093.326	115.879.481.897

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.720.206.702	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.720.206.702	
4	Giá vốn hàng bán	109.234.140.175	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.486.066.527	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10.444.294.220	
7	Chi phí tài chính	763.704.412	
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.798.852.348	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.367.803.987	
11	Thu nhập khác	337.763.706	
12	Chi phí khác	97.752.404	
13	Lợi nhuận khác	240.011.302	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.607.815.289	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.998.651	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.358.816.638	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.284	
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	10.000	

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	38,13	47,94
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		61,87	52,06
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	39,38	38,79
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		60,62	61,21
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.85	0.82
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2.56	2.60
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9	10
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5	10
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		15	16

TP.HCM, ngày tháng 3 năm 2008
Giám đốc công ty

Nguyễn Bích Lân